

通 類 課 程

MISCELLANÉES

OU

LECTURES INSTRUCTIVES

POUR

Les Élèves des Écoles Primaires, Communales & Cantonales

PAR

F. J. B. TRUONG-VINH-KY

。 士 載

張

永

寬



SAIGON
Imprimerie COMMERCIALE REY & CURIOL

—
1888

M U C - L U C

- 1° Nhơn-vật nước Annam.
- 2° Ba bậc bộ-hành ở nhà quán.
- 3° Mười một chén rượu uống vào.
- 4° Thơ uống rượu.
- 5° Cây giá-tị.
- 6° Giải câu chữ nho.
- 7° Giải tiếng nói Annam.
- 8° Câu hát giải nghĩa.
- 9° Tam nguyên.
- 10° Ca tam-cang.
- 11° Thơ nhớ song thân.
- 12° Nói ngược.
- 13° Giải nghĩa một hai tiếng nói trại.
- 14° Phương-ngôn tục-ngữ giải nghĩa.
- 15° Thơ răn đánh me.

NHƠN VẬT

NGUYỄN - TRẠI 阮 鷹

Ông Nguyễn-Trại là người huyện Thượng-phước làng Nhụy-kê, con ông thám-hoa Nguyễn-phi-Khanh, văn võ kiêm toàn văn-chương kinh-sử lâu thông, thao-lược binh-thor cũng giỏi. Theo vua Lê-thái-tổ làm *Tham mưu vi ốc* tờ thị lệnh trát nội một tay người làm. Làm tới hai đời là vua Lê-thái-tổ với vua Lê-thái-tông. Năm Thiệu-bình vua Lê-thái-tông (1445), phụng mạng làm sách *Địa-dư-chí, Việt-Nam vô cống*. Sau bị thiếp là *Nguyễn-thị-Lộ* mà phải hại cả nhà. (Coi Sử trong Manuel des Écoles primaires).

Đến đời Lê-thánh-tông (1460) biết là oan mới với tặng là *Tề-văn-hầu*. Triều nhà Nguyễn Gia-long năm đầu, mới liệt làm cấp nhứt tội công-thần mở nước nhà Lê, lại phong ẩm cho 1 người trong dòng để chủ việc phụng-tự, cho 2 người trong thân tộc làm lệ-phu.

LÝ-THƯỜNG-KIỆT 李 常 傑

Lý-thường-Kiệt người tỉnh Hà-nội, huyện Vĩnh-thuận làm quan tướng nhà Lý. Thuở ấy bên Tàu nhà Tống nghe lời *Vương-an-Thạch* mà khinh-dị Annam, vua Lý-nhơn-lông mới sai Lý-thường-Kiệt, với *Tông-đảng* đem 10 vạn binh qua đánh Tống, lấy đất châu Khâm, châu Liêm giết *Thương-thủ-Tiết*, lấy châu Ung, giết châu Nham và hơn 10 vạn con người-ta.

Sau Tống sai binh tướng qua đánh Annam, khi đóng binh tại bờ sông *Như-nguyệt*, thì Lý-thường-Kiệt biết bụng quân dân hay tin-tưởng thần thánh, thấy *Quách-qui* với *Triệu-tiết* đem binh tàu hơn 87 vạn qua, nao sợ ngã lòng, thì dụng mưu mà làm cho vững lòng quân. Vậy mới cho người ra sau bàn-thờ miếu ông *Trương-tướng* giả thần ứng phán, ngâm như lời sấm bốn câu sau này :

Nam-quốc sơn-hà nam đế cư,
Tiệt nhiên phân-định tại thiên thư,
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Binh-lính nghe liền vững bụng bền đánh quân nhà Tống phải thua. Ông Lý-thường-Kiệt là người nhiều mưu-lược, có

tài tướng-soái, làm tới 3 đời vua, đánh Tống thua, dẹp an Chiêm-thành, huân-nghiệp công-trận lớn lắm. Được tặng là *Việt-quốc-công*.

Đời nhà Nguyễn, *Minh-mạng* năm thứ 4 cho tế theo trong miếu *Lịch-dại đế vương*.

BA BẬC BỘ HÀNH Ở NHÀ QUÁN

1. Nhất quân-tử, ăn mứt gừng, uống nước chè tàu, ngồi chiếu bông, nằm nhà trong, đánh cờ tiên.
 2. Nhì quân-tử, ăn thịt trâu, uống nước chè huế, ngồi chiếu kẻ, nằm nhà giữa, đánh cờ tướng.
 3. Tam quân-tử, ăn cơm nguội, uống nước lạnh, ngồi chiếu manh, nằm nhà ngoài, đánh cờ chó.
-

MƯỜI MỘT CHÉN RƯỢU UỐNG VÀO

1. Một chén giải cơn sầu,
 2. Hai chén còn nhơn-đạo,
 3. Ba chén còn gượng-gạo,
 4. Bốn chén nổi sân-si,
 5. Năm chén sập thần-vi.
 6. Sáu chén ngồi ghi xuống đó ;
 7. Bảy chén thì đuổi chẳng đi,
 8. Tám chén lóc-trọc lộn ra,
 9. Chín chén lóc-trọc lộn vô,
 10. Mười chén ai xô tôi ngã,
 11. Mười một chén chưởi cha ai xô !
-

SAY RƯỢU THƠ

Nước Nam lấy rượu dụng lễ-nghi,
Ít chén hãy còn phân nhơn-nghĩa,
Nhiều thì hự-hệ lại sân-si,
Anh em tay dắc ra cửa ngõ,
Đường cái không đi đập hàng rào,
Trẻ nhỏ đến coi cười hả-hả,
Người lớn sợ e lấy vôi ghi.

Cười thay đũa đại khéc mua sần,
Khuyên đừng uống rượu chẳng tốt đầu,
Một chén hãy còn phân tử-tế,
Hai ve rồi lại nói câu-mâu ;
Mắt kia trợn-trạc như mắt khi,
Môi nọ phều-phào tợ môi trâu,
Lẻo-lẻo nước trong mà độc-địa !
Nuốt vào khỏi cổ lại nhưc đầu !

CÂY GIÁ-TÌ, (Le teck siamois)

Chính tên cây thường hay kêu *đầu xiêm* là cây *Giá-tì*.
Trong xứ Xiêm, Lào, Mon, có nhiều lắm.

Cây nó dẻo, lại mịn thịt cũng có vân, xuống nước nó nổi là-đà. Nó ở khô ở ướt cũng bền. Bây-giờ Tây cũng dụng mà đóng tàu. Nó được một cái hay, là nó không nhót, lại dính đóng vô thịt nó thì không hay có rét. Dính mà rét thì sau nó rã rét ra thì nó lỏng nó sút ra ; mà đóng vô *Giá-tì* thì nó không hề rét, nên người-ta dụng nhứt là trong việc đóng tàu là vì vậy.

Annam biết nó mà đặt tên cho nó là *Giá-tì*, là từ đời Gia-long, Minh-mạng về sau.

Làm thứ cây này thì phải cho có ý mới được : dạo rừng coi lựa rồi thì phải lấy riu mà rong da gốc nó một vòng, rồi để đó cho nó héo nó chết nó khô lần, qua năm sau hãy đốn hãy hạ nó xuống thì nó không-có xé, có nứt hai đầu ra. Bằng đốn tươi nó đi thì làm-sao nó cũng xé cũng tách đầu nó ra chẳng khỏi dân.

Bây-giờ tại Sài-gòn có trồng nó theo đường một hai đường, có lấy hột lấy giống nó mà để. Nguyên đời quan Nguyên-soái-Gia có xin giống mà trồng, nên ông *Lười đen* (tên Pinklào) là ông vua nhì (vannà) trong Xiêm mới cho ương cây cùng lấy hột, vào bao-bì rồi sai quan Annam là ông *Thái* làm chức *Luồng phlông sắt thương chào kròm sai* ở trong Bangkok đem ra cho quan Nguyên-soái.

GIẢI CÂU CHỮ

人無十全 *Nhơn vô thập toàn* (tuyền) = người-ta không có ai được trọn-vẹn hết mọi bề, mười phần vẹn *...*

Mà vì làm-sao lại lấy số mười làm tròn ? Mà không lấy số trăm số ngàn....? Là bởi-vì 一者 là 數之始也 còn 十者 là 數之終也 từ nhứt tới thập là số đơn, kì dư về sau, trăm ngàn muôn vèo là số kép cũng nhân số đơn mà nên. Cho nên lấy nhứt (một) làm thỉ (thủy) là (đầu), lấy mười làm chung là đuôi. Vậy mười là tròn ; vì vậy tục hay nói : Biết một mà chẳng biết mười... ; Mười phần tròn mười... Vàng mười là vàng ròng ;

Mười là một cái tròn, cái-nguyên từ đầu đến đuôi, đầy-đủ trước sau không thiếu, không lưng, không voi, vậy thì là tròn mọi bề.

作福不如避罪避禍不如省非 Tác phước bất như tị tội, tị họa bất như tỉnh phi. = Làm phước chẳng bằng lánh tội, lánh họa chẳng bằng xét bỏ sự trái (quấy) ; Chỉ người-ta muốn tìm phước thì trước hết phải lo mà lánh đừng làm sự tội-lỗi thì cầu cái phước mới được ; lại có kẻ, sự xấu-xa tội-lỗi thì không xa lánh, mà gặp phước cũng làm thì cũng vô-ích lấp trừ cái tội đi không được ; chỉ bằng lo lánh tội thì hay hơn, vì khỏi tội thì phước dễ cầu. Muốn cho khỏi họa là sự dữ thì trước hết phải xét những sự trái-lẽ, những điều chẳng phải mà trừ mà bỏ nó đi thì mới có lẽ mà chạy khỏi sự tai-vạ khốn-khó.

始終如一 Thỉ (thủy) chung như nhứt. = Trước sau như một, nghĩa-là luôn hoài tự đầu tới cùng, không dờn-dời không cải ý, trước mới đầu làm-sao thì cũng cứ một trực như vậy cho tới cuối. Chỉ phải bền chí cho đến cùng thì mới tròn. Tròn là gì ! tròn là tròn nghĩa là khoan lại cho giáp phòng thì nó mới tròn, mà giáp thì là tròn, không giáp thì thiếu thì không được thành cái tròn nên không phải là tròn.

GIẢI THÍCH NÓI ANNAM
Vương tròn chỉ nghĩa là tròn-lành mọi bề, là phỉ, mọi đàng, là xong-xuôi mọi ngõ, là tốt-lành mọi vẻo.
Mà vì ý làm-sao mà lấy cái vương với cái tròn là hai cái nghịch nhau, khác nhau nhập lại mà chỉ là tròn-lành mọi bề ?

Luận trong trời đất các hình vuông, cân chuông bốn phía thì người-ta nhứt là đời xưa lấy làm phải làm tốt hơn hết,

vì bởi nơi hình ấy mà ra. hình khác mới có, như hình tròn, ba góc, bát giác, lục giác, hình xéo, hình méo v. v. Vì vậy đời xưa các thứ chữ hải-thịnh âm-vận thì nhơn lấy đó mà bày ra chữ, hoặc cắt ngang, cắt dọc ra, hoặc lấy nguyên, lấy nửa, hoặc chồng lên, hoặc nhập lại. Chữ sanscrit, chữ Hébrêu chữ xiêm, lại chữ cổ-tự Tàu cũng lấy *chuông vuông* làm gốc. Sau những thầy bác-vật học-sĩ, thầy thiên-văn, kẻ thông số-học, thấy trời đất, nhứt nguyệt tinh-tú đều là tròn thì lấy *hình tròn* làm nhứt gọi là *perfectissima forma*. Vì vậy các thứ chữ nước khác lại nhơn lấy đó mà đặt ra chữ, Tàu cũng dụng mà viết cho dễ hơn. Các thứ chữ âm-thịnh dần-dần người-ta cải mà viết cho tiện cho dễ thì coi ra như tuồng mất cái chính nguyên hình nó đi. Có thứ chữ Miến-diện hầy-còn hình chơn-chất dễ biết là lấy cái tròn mà chế ra, lấy một cái tròn làm gốc rồi cắt ra xẻ ra mà lập chữ, thiếu thì lại chồng lên, hay-là khép hai cái lại một; thêm bớt ra chế ra.... O () 〇 〇〇. Chữ phương tây cũng nhơn như vậy mà ra chữ, đều lâu đời rồi cách viết nét chữ xuyên-tạc ra nhiều điệu nhiều cách.

Vì đó mà tiếng *vuông-tròn* ra nghĩa là trọn-lành, toàn-hảo. Nên tục hay nói :

Ba vuông bảy tròn, nghĩa-là mười phần trọn cả mười.
(Ba với bảy là mười).

Lạy trời xin dâng vuông tròn!

Trăm năm cho trọn lòng son với chàng !...

Cầu cho mẹ tròn con vuông,

Giữ cho vuông tròn.

Dâng vuông tròn.

Ba lo bảy liệu là lo liệu cả mười phần trọn hết thì là lo liệu hết sức (3 với 7 là 10).

CÂU HÁT

1. — Cây da cũ, con yến rũ, cây da *tàn*.
bao nhiêu là rụng thương nàng bấy nhiêu.
2. — Minh xanh, tay đỏ, nút chì,
com lương với muối sống thì là may.
3. — Tại mẹ cha dứt tình tơ nguyệt,
khuyên em đừng trực tiết uổng công.

1. — Cây đa nơi chợ cũ, cây đa ở rừng lá, còn én nó buồn nó cú-rũ. Câu này con-trai thiết ra mà hát mà chỉ lòng thương con-gái có tình với mình khi xưa, nay đã xa cách nhau đi, thì con trai như con én đậu cây đa chợ cũ là tình cũ con-gái, và buồn và thương khôn xiết kể, như là cây đa tàn rụng vậy.

Ý câu hát này tuy-là huê-nguyệt mà tình trung-hậu, cũng nên cho là *chánh-phong*. Ý là *phủ* mà lại *hứng* nữa.

2. — Câu này về *biến nhũ*. Chỉ oán-vọng về việc vua: ra đi quân đi lính cho vua lấy làm cực-khổ, mặc áo mình xanh tay đỏ nút chỉ là áo ban cho lính, ăn mỗi tháng 1 cái lương 1 quan tiền không lấy chi tiêu-xài cho đủ phải ăn cơm với muối mà-thôi; nên liêu đi thân sống cũng như thân chết; sống được mà về thì là may. Ấy là lời nó than thân trách phận nó.

Về *biến nhũ* là nói việc chánh đã phân-phiên, khiến ra lòng quân-lính phiền-hà trách-móc.

3. — Câu này là câu chỉ con-trai con-gái thương nhau, mà tại cha mẹ không ưng mà hư việc đi; nên chàng trai bày câu hát này ra mà tỏ ra cho chàng gái hay: đã biết rằng từ hai chàng thương-yêu nhau thì đã quyết lòng lấy nhau, song không dám cãi lệnh cha mẹ nên thôi thì phải dứt tình tơ-nguyệt; trai khuyên gái thôi đừng có ép-uốn chờ-đợi mất công — Tình-ý *trung hậu* nên cũng cho nó là *chánh phong*.

TAM NGUYÊN 三元

Đàng Nhu chia một năm làm 3 nguyên. Đàng Thích đàng Phát nhơn lấy đó mà lập *tam nguyên*, là rằm tháng giêng là *thượng nguyên* 上元; rằm tháng 7 là *trung nguyên* 中元; rằm tháng 10 là *hạ nguyên* 下元. Ba rằm ấy có *kị lập* là *giỗ chạp cúng quải* ông-bà cha-mẹ bà-con đã quá vãng khuất mặt đi rồi; làm phước, cầu khẩn, thắp đèn trời, cúng cô-hồn, làm chay, làm tuần; vì là ngày ân-xá đại-xá cho vong hồn; cũng như trong phép đạo Thiên-chúa (Datô) ngày lễ các *đấng linh-hồn* để mà cầu hồn xin lễ cho ông-bà cha-mẹ đã qua đời.

TAM-CANG (tiếp trước)

Vợ chớ khá mầy tao mi tớ,
Chồng cũng đừng: dòng họ nhà bay.
Ngoài mặc chồng vác cuốc cầm cày,
Trong việc vợ cửu canh tơ chỉ.
Phận mình khó chớ hề năn-nỉ,
Thấy người giàu đừng có phàn-nàn;
Thù lâm-toàn theo thù lâm-loàn,

Nơi thành-thị theo miền thanh-thị.
 Như đến ngày cha ngày mẹ,
 Bằng tới kì việc tổ việc tiên ;
 Hễ bên chồng thì vợ phải chuyên,
 Bằng bên vợ mặc chồng toan-tính ;
 Vậy mới gọi là thành là kính,
 Vậy mới gọi là thảo là hòa ;
 Chớ hung-hăng mắng mề đề cha,
 Đừng chùng-chững dức anh chưởi chị ;
 Bên chồng, chồng đừng binh-vị,
 Bên vợ, vợ chớ tư phi ;
 Cứ đường ngay nẻo thẳng mà đi,
 Đừng thói vạy lời tà mà lỗi ;
 Sống cũng trọn một mền một gối,
 Thác nữa thì đồng quách đồng quan ;
 Vợ có lỗi thì chồng răn,
 Chồng có kêu thì vợ phải dạ ;
 Vậy mới gọi nhứt phu nhứt phụ.
 Vậy mới rằng toàn thi toàn chung ;
 Vậy mới gọi anh-hùng,
 Vậy mới rằng quân-tử ;
 Nó khôn-khéo chẳng qua là vợ,
 Ta hư-hèn cũng đừng làm chồng ;
 Chớ ăn vụng ngủ chùng,
 Đừng ghen vặt cũng đừng nói vặt....

NHỚ SONG THÂN THƠ

{ Ngủi-ngủi khuya sớm luống vào ra,
 { Thương nhớ hai thân lụy nhỏ sa.
 { Chín tháng cưu mang nhờ đức mẹ,
 { Ba năm bồng ẵm cảm ơn cha,
 { Xưa khuyên ăn học lòng vui-vẻ.
 { Nay giữ vừa hương dạ xót-xa ;
 { Phước đề mỗi lành con cháu nối,
 { Đốc nguyên vẹn giữ trọn giềng ba.

(Nguyên của thầy Huê, học-trò Đỗ-kim-Thịnh, hiệu Đồng-kê cư sĩ
 Thầy-giờ ngụ Bến-tre, thấy hay thì cho đăng đem vô Thông-loại....)

NÓI NGƯỢC

Có những cái nói ngược đời mà chơi, nói cho mau cho
lạ đừng vấp đừng lộn đừng liệu thì là hay :

{ Con mèo ra đồng gặm cỏ,
{ Con dê vô bếp cạy nồi,
{ Ông già tám mươi năm trên nôi,
{ Con-nit nên ba chống gậy đi dạo,
{ Bà bắt ốc tưởng kinh cầu đạo,
{ Ông thầy tu lơ-lửng dưới bèo,
{ Gái hoa nương thi phát gọt đầu,
{ Ông thầy sãi tóc dài tới đất....

Trứng gà tha quạ lên ngồi còi (1) cây,
Con cóc đập chết con tây ;
Con nay bẻ cổ ông thầy (2) mà lời,
Thằng nhỏ mà đánh trả trời,
Một đoàn con-nit đuổi voi té đèo,
Chuộc chạy đầu mèo, muối đập cánh giới.

GIẢI NGHĨA MỘT HAI TIẾNG NÓI TRẠI

Thai bởi chữ 猜 *xai* là người nói đi nói lại. Tiếng tục
nói trại là *thai*, *thầy* *thai*.

Tam bản chính nó là tiếng chữ *Sam bản* 杉板 là ván cây
Sam như loại ván thông, dùng mà đóng xuống nhỏ-nhỏ.

Chuyên chế, chính là *chuyên trệ* là *chuyên vắn*, chuyên
vắn dần-dần không được mau, như *chậm trề*. *Chuyên trệ*
là chuyên cái nó ngưng trệ lại thì nó chậm không có le
được.

Chắc-chuê chính là *chắc-chè* là tiếng thủ hình thính mà
thiết ra ; và con chim ấy nó kêu *chắc-chè*...

Trái Muồn-quân là tiếng nói trại, chính nó là *Buồn-quân*
vì tục truyền thuở xưa người đem quân đi mà hết lương đói
lắm, quân-gia buồn bực, may dầu gặp cây có trái ấy tròn
như viên đạn, sắc tím bầm, mùi ngọt ngọt, hái ăn đỡ đói
Vì vậy nên trong chữ kêu là 遇軍 *Ngộ-quân*.

(1) *Còi* là tiếng Huế cũng như *trên* trong này.

(2) Ông thầy chỉ là cọp, vì người-ta cũnên đặt mà kêu là ông thầy.

通 類 課 程

MISCELLANÉES

OU

LECTURES INSTRUCTIVES

POUR

Les Élèves des Écoles Primaires, Communales & Cantonales

ET LES FAMILLES

PAR

P. J.-B. TRUONG-VINH-KY

士 載

張
永
記



SAIGON

Imprimerie COMMERCIALE REY & CURIOL

1888

戊 子 年

Nói cỏ *Vân-chầu* hay-là *Màng-chầu* thì không nhầm, phải nói *Màn-chầu* thì mới đúng.

Nói cây *Phất-dũ* thì quấy, chính nó tên là *Huyết-dũ* 血愈 cũng như nói *Hồ-quà* thì sai, phải kêu nó là *Khồ-quà* vì nó là tiếng chữ 爪苦 = dừa đắng ; trong *Túy-kiên*, kêu *Muróp-đắng*.

Rau *Mùi-tươi*, *Mùi-om*, *Mùi-toi*, kêu vậy là chính, mà kêu *mò-om mùng-toi* thì là quấy. Rau *om* ngoài Huế kêu là *Rau-ngồ*. *Mùi-tươi* chữ là 蘭澤 *trạch-lan*.

Tầm-ruột, *cùm-rum* chính phải kêu là *chùm ruột* vì trái nó có chùm như mớ ruột vậy ; chữ kêu là 青珠 *thanh châu* ; còn *cùm-rum* thì là *chùm-rum* nguyên là *chùm-dum* vì nó dum nhau lại như *chùm*.

PHƯƠNG NGÔN TỤC NGŨ GIẢI NGHĨA

Ăn vóc, học hay. = Có ăn thì ra vóc, có học thì ra hay. Con người-ta, xác hễ ăn thì nó mập nó mạnh nó ra vóc, nó lớn lên ; trí hễ học thì nó thông nó biết nó biến ra hay, nó nên giỏi hơn. Cho nên *hay* là tại *học*, *vóc* là nhờ *ăn*, chữ cũng như muốn cho cao-lớn thì phải *ăn*, muốn cho thông-thái thì phải *học* ; vì ăn mà lại ốm thì là bệnh tiêu nhiệt, học mà dở thì là làm biếng hoặc là bặc ha ngu thì mới ra làm-vậy : vì-chứng : *giáo diệt bất thiện phi ngu nhi hà ?*
教亦不善非愚而何

Ăn ngay ở thật, mọi tật mọi lành = ăn ở ngay-thật thì mọi tật mọi lành.

Người-ta hễ cứ ăn-ở dẫu cho ngay-thẳng cho thật-thà đồ, thì bình-an vô-sự không lo mắc hoạn nầy họa kia ; dẫu có đi nữa cũng trật đi khỏi vương khỏi mang. Là vì làm-sao ? là vì mình hay ăn-ở ngay-thẳng thiệt-thà luôn.

Ăn thì no, có thì ấm = có ăn thì mới có no, có có thì mới có ấm, hay-là muốn cho no thì phải ăn, muốn cho ấm thì phải có. Đói thì ăn vào nó mới no, lạnh thì có lại nó mới ấm. Phàm cái gì việc gì cũng đều có cái mero cái léo nấy hết. Có ngọn thì có gốc, có sau thì có trước. Lại tục người-ta cũng hay nói như câu sau nầy nữa :

lớn, thầy ấy bước lên, giơ tay dắt vua lên. Đi cùng cái cầu ấy thì tới cái cửa lớn, trong ấy có lầu-dài nguy-nga đẹp-đẽ lắm. Ấy đó là cung trắng. Bước vô cửa rồi, thì thầy *La-công-Viễn* nắm cái đầu cầu dứt lên thì trở ra cây gậy lại như trước ; rồi đem vua vô lầu-dài, thấy có nhiều con-gái xinh-tốt đẹp-đẽ mặc áo xiêm tốt-lạ dị-kỳ múa hát cung-cách hay lắm. Cách múa đó kêu là *Nghê thường vũ y* 霓裳羽衣 là xiêm mỏng áo lông.

Vua *Minh-hoàng* xem nghe khúc ấy thì say-sưa mê-mẩn bất tỉnh như sượng ; mắt nhìn bụng nghĩ cầm tri cầm lòng mà coi có ý sau về mà bắt-chước. Vừa đâu đã gần sáng, thầy *La-công-Viễn* mới tâu vua về trễ quá giờ, không có phép ở đó được nữa. Vua mới tỉnh lại mà ra về. Tới cửa thầy ấy cầm gậy buông xuống thì hóa ra cầu mà đi về.

Sáng ngày ra, vua dạy cắt may áo-xiêm như vua đã ngó- thấy trong cung trắng, chọn con-gái lịch-sự tốt tiếng hát hay mà dạy nó múa hát theo khúc *Nghê thường vũ y*. Lại dạy thợ cắt lầu y theo như kiểu cung trắng vua đã thấy. Rồi cứ chuyên luyện-tập múa hát cho thành-thục. Sau vua mới thầy *La-công-Viễn* vào mà xem, thì lấy làm lạ và khen vua là người có trí.

Mà vì làm-sao mà ngày ấy thấy người khách nhà nào nhà nấy cũng lo đi tìm mà mua cho được bưởi và khoai môn mà chưng ? Là bởi tích đời nhà Hán vua *Quang vũ* 光武 lên là *Lưu-tú* 劉秀 bị giặc vây trong thành kia, lâu ngày hết lương đói. Vua đặt bàn vọng thiên mà khẩn - vái với trời, trời mới cho đất trong thành mọc ra củ khoai môn nhiều lắm. Quân-linh mới đào lên lấy nấu ăn đỡ đói. Mà ăn lâu ngày nó sinh ra chứng hay ỉch bụng. Vua lại vái-van nữa, thì trời cho sinh ra nhiều trái bưởi trên cây, hái lột ăn nó tiêu rỏ trừ chứng ỉch bụng đi. Nhờ nó dưỡng lực quân-linh đánh phá vây mà ra được. Nguyên tích khẩn-vái ấy cũng là nhằm ngày rằm giữa mùa thu cho-nên mới có tục chưng bưởi với khoai-môn như-vậy. Ngày ấy Khách hay làm bánh *trung thu nguyệt bình* 中秋月餅 mà làm của-lễ đem mà cho nhau.

Ngoài Bắc cũng hay ăn ngày lễ ấy. Đêm trung thu thì làm lồng đèn hình con cá con tôm, hình cái trống mà làm tốt mắt tiền cho con-nít cầm mà đi chơi đêm. Còn ở nhà thì làm đèn máy chạy quân, làm cỗ bàn chưng chơi ; ăn uống chè rượu vui chơi hà-rằm cả đêm.

VẬT TÙY XỨ KÊU TÊN

Củ Sắn (chữ: 葛根 *Cắt-căn*) ngoài Bắc kêu là củ Đậu (chữ cũng kêu là 山豆 *son Đậu*).

Đậu Săng, nghĩa-là *đậu cây* không phải là *đậu dây*, vì thường các thứ đậu là loài *dây cả*, có một mình nó là *cây* nên kêu là *đậu Săng* (*Săng* là *Săng-gỗ*, tiếng *Nghệ-an* kêu *cây* là *săng*).

Chuối Sứ, chuối Xiêm hay-là *chuối lá Xiêm*. Nguyên là *thổ-sản* đất nước Xiêm mà đem về, mà nhân đi sứ trong Xiêm về mà đem về nên kêu là *chuối Sứ*.

Hậu-phác 厚樸 ngoài Huế kêu là *cây Bội*, ngoài Bắc kêu *cây Vôi*. *Cây hoa-móng-tay* ngoài Bắc kêu là *móng nước*.

Cá Lông-tong trong ta thì ngoài Bắc kêu là cá *Mương-sông*.

Cá Lóc 鱖魚 *lễ ngư*, Huế kêu là cá *Tràu-đô*, hoặc kêu là cá *Chuối*, Bắc kêu là cá *Quả*. Còn cá *Lóc giẹp đầu* ngoài Bắc kêu là cá *Sộp*.

Cá Đối ngoài Bắc kêu là cá *Roi*.

Con Rươi (chữ là 禾虫 *Hòa-trùng*) là con *Dời nước*.

Con Cà-cuống Nam Bắc cũng đồng tên, mà tục dưới 3 tỉnh dưới cũng kêu là con *Bò-cạp nước*, (chữ là 桂蠹 *quế đố*).

Con Nhồng (con *Sảnh*) chữ là 秦吉了 *tần-cát liêu*, trong Nam phủ *Trấn-man* gần kênh *Vĩnh-tế* có nhiều hơn hết; ngoài Bắc kêu là *chim Yềng*.

Con cua Đồng Nam Bắc cũng đồng kêu như nhau, mà xứ Huế kêu là con *Dam*.

Chim Sẻ-sẻ (雀 *tước*) ngoài Bắc kêu là *chim Chích*.

Le-le vịt-nước ngoài Bắc kêu là con *Mòng-két* (chữ là 鳧 *phù*). ☉

Con Éch hay kêu là *gà Đồng* là vì *thịt* nó trắng như *thịt gà*, *đuôi* nó như *giò gà*, mà nó ở *đồng*, nên kêu là *gà Đồng*.

Con Trùn (chữ: 蚯 蚓 *Khâu dẫn*) ngoài Bắc kêu con *Giun*.

Ngoài Huế có một thứ *sứa* nhỏ con như *đồng bạc*, coi hình như cái cái *dừa nước*; xắt ra ăn *gỏi giòn*, ngon, kêu là con *Nuốt*.

DI TỀ

- { Danh chẳng màng-bao, lợi chẳng mê,
{ Ấy can-dâm chắc hỡi Di Tề ! (1)
{ Gặp xe vua Võ, tay cầm lại,
{ Thấy thóc nhà Châu, mặt ngảnh đi ; (2)
{ Cô-trúc hồn về mây ngất-ngất,
{ Thú-dương danh đề đá tri-tri ; (3)
{ Cầu nhơn hãn đặng nhơn mà chớ,
{ Chẳng hiềm ai, chẳng oán ai chi. (4)

(1) *Di Tề* là Bá-di Thúc-tề hai anh em ruột là con vua nước Cô-trúc (nước nhỏ phụ theo chư-hầu). Khi vua cha gần chết thì trời dănnữa sau để cho em là Thúc-tề làm vua. Vua cha mất rồi, Thúc-tề nhường ngôi lại cho anh rằng 天倫爲重 *Thiên-luân vi trọng*, thì anh phải làm lấy. Anh là Bá-di nhường cho em rằng 父命爲尊 *phụ mạng vi tôn*, những nhường nhau không ai chịu làm, đều bỏ lên núi *Thú-dương* mà ở.

(2) Sau nghe vua Võ-vương nhà *Châu* đem binh đánh vua *Tru*, hai hai anh em xuống đón xe vua Võ mà can rằng : cha chết mới chôn, mà đã ra đi đánh giặc thì là hiếu làm sao ? mình là nước chư-hầu, vua *Tru* là vua nước thiên-tử, tôi mà đi đánh vua thì sao kêu là trung ? Vua Võ không nghe lời can, đi đánh *Tru* lấy nước lên làm vua lập dòng nhà *Châu*. Hai ông ấy tính mình can người-ta khi trước người-ta không nghe, mà may nay nước về tay người-ta, thì hồ mặt không chịu ở đất ăn lúa nhà *Châu* bèn về núi *Thú-dương* ở ăn hái lá rau *Vi* luộc ăn thế vì cơm. Sau có người đi đường gặp hỏi hai anh em nói chuyện lại, người đi đường nói rằng : ngọn rao tất đất đâu chẳng phải là của nhà *Châu* ? hồ ăn thóc nhà *Châu* mà ăn lá rau *Vi* thì cũng là của nhà *Châu*. Nghe lời nói nhảm thì hai ông ấy liền nhin đối mà chết.

(3) *Cô-trúc* là nước nhỏ phụ-dung ; cha Bá-di Thúc-tề làm vua nước ấy. Chỉ hai ông ấy là con vua nước *Cô-trúc* nhin đối mà chết trên núi *Thú-dương* còn để danh lại như đá trơ-trơ đó.

(4) Trong sách *Tứ-thơ* học-trò ông *Khổng-tử* nghi thầy mình ở nước *Vệ*, có khi giúp chúa *Vệ-công* chẳng. Thấy *Tử-cống* ra mắt ông *Khổng-tử* hỏi chuyện nước *Vệ* mà hỏi chuyện ông Bá-di ông Thúc-tề làm người ra làm-sao. Ông *Khổng-tử* nói ông Bá-di ông Thúc-tề là hai ông hiền xưa. *Tử-cống* hỏi lòng hai ông ấy có oán vong chi chẳng ? *Khổng-tử* rằng : tìm nhơn mà đặng nhơn có oán gì ? Thầy *Tử-cống* trở ra mà nói lại với anh em bạn rằng thầy mình không có ý giúp nước *Vệ*.

Lá rau ví Thú-dương còn lá rau (i). (1)

Ngàn năm sẽ nhớ Bá-di Thúc-tề ;

Trông lên từng đá thanh gì, (2)

Dấu xưa đường bệ mấy thì cho lay ?

CÂU ĐỐ

Đầu thì đầu trâu, đuôi thì đuôi chuột, đánh sút ruột ra, nhảy qua mương cạn, nắm thẳng bạn nhảy theo, nắm lèo dâm lại.

Trên đầu ác liệng nhân bay, bậu chẳng đưa qua thì qua đưa bậu, thoi chỉ vàng làm dấu, xin chớ lỗi lời thề, thiếp đưa chàng dăng-dối sớm khuya, chàng đưa thiếp chưa an phận thiếp.

Ấy là cái thoi dết cử.

Cò bay én liệng trên đầu, ở dưới âm-phủ bắc cầu Diêm-vương, một thẳng lóc-lách qua truông, mười thẳng đón bắt chẳng buông chẳng rời.

Là cái không dết cử.

CÂU THAI

1. 鷹飛天魚躍于淵經綸手段文思安
安 = diên phi lệ thiên ngư được vu uyên, kinh luân thủ đoạn, văn tứ yên yên = diều bay tới trời, cá nhảy xuống vực, then máy tay cầm, thêu dết rắng-rỡng.

出物用 Xuất vật dụng = *Cái không cử.*

2. — Chó đầu có sữa lỗ không? Gãi chẳng trặc nết, sao chòng hay ghen?

Xuất vật dụng = *cái quả hư.*

3. — Thương nhau cỗi áo cho nhau, về nhà mẹ hỏi : qua cầu gió bay.

Xuất vật dụng = *cái con dấu (giấu).*

(1) Rau ví là rau đất núi Thú-dương, ông Bá-di ông Thúc-tề hồ không chịu ăn thóc nhà Châu thì hái nõ lược mà ăn.

(2) Thanh-gi nghĩa là xanh-nghịch, chỉ núi Thú-dương. Dấu xưa đường bệ... chỉ ông Bá-di ông Thúc-tề con vua nước Cô-trúc nên kêu là dấu đường bệ là nền nhà cao có cấp, lại chỉ là bền-vững nữa.

Trong sử nhà Hán khen Bá-di Thúc-tề rằng: 千古凜凜英風 = thiên cổ lâm lâm anh phong = ngàn đời chăm-chăm cách mạnh mẽ. Có ý răn kẻ làm tôi có ý muốn soán vua.

4. — Ro-re nước chảy trên đèo, bà già lật-đật mua beo cười chồng.

Xuất điều danh = *con chim Chàng-ngịch*. (cũng có kêu Tần-hắn)

THÁNG SÁU

Măng đầu tường lựu hoa buông lửa

Quạt tay vắn tỉnh đã nửa năm (1)

Kia ai chước-chước châm-châm

Tiệc dầm hoa nở chén dầm nguyệt bay (2)

Tán lửa xây lòng người dễ khiếp

Nấu phong-đinh cây diệp bóng im (3)

Lạ thay dưa nôi mận chìm

Chén đoanh vì nước gỏi mềm vì sen (4)

(1) Tháng 6 thấy hoa lựu nở rực-rỡ đầu tường thì măng, mà đánh tay tỉnh thì trời đã nửa năm đi rồi.

Sách Đại-thành rằng : *Sơ hạ lựu hoa phát, chi đầu hỏa dục thiên* = đầu mùa hè hoa lựu nở, đầu nhành coi như lửa muốn bùng. Hoa lựu là hoa dương vật nên sách nói nó là hỏa lựu.

(2) Có người uống rượu chơi đêm coi hoa nở trời sáng trăng. Sách Cổ-văn nói rằng : đời nhà Đường vua Minh-hoàng có ông Lý-bạch, mỗi khi trời có trăng hay xem trăng rồi mới chén rượu nồng mà chơi.

Mùa xuân ăn yến vườn đào ông Lý-bạch có làm bài thơ rằng : *Khai quỳnh diên dĩ tạ hoa, phí vũ-trường nhi túy nguyệt* = mở tiệc rượu để ngồi uống mà xem hoa, lại băng chén Vũ-trường là chén rượu, ra coi trăng mà uống.

(3) Tiết mùa hè mặt-trời như tán lửa khiến người thấy nóng mà sợ, nên nấu ăn trong nhà mát cùng nhờ theo bóng cây im-rập.

Sách Cổ-văn nói : cả mùa hạ mặt trời nóng như tán lửa.

Sách Đại-thành có bài thơ *hạ nhựt đình* rằng : *nhơn giai khổ viêm-nhiệt, ngã độc ái nhựt trường, quán phong từ nam chí, đằng-các sanh vi lương* = người đều chịu nóng đốt, ta chỉ thương ngày dài, gió hòa từ phía nam thổi tới, ở trên lầu trên các được một chút mát.

(4) Trái dưa nôi thì ngọt, trái mận chìm thì chín, chén rượu say vì nước, ao bùn mềm vì sen.

Sách Lễ, thiên Nguyệt-lệnh nói rằng : *Lý trầm lặc thực, qua phù lặc Cam* = trái lý (là mận) trái nào chín thì chìm, dưa trái nào nôi thì trái ấy ngọt. Nước Ngụy chúa Văn-đế có cho người Ngô-chất bài thơ rằng : *phù cam qua ư thanh uyển, trầm châu lý ư hàn thủy* = dưa ngọt nôi nổi suốt trong, trái lý chín đã chìm nơi nước lạnh. Đời nhà Đường người trong đô vua có thói quen trong mỗi nhà thủy-tọa trong cung hay múc chậu nước kêu là *tuyết lam thủy* để mà thử trái dưa trái mận, cũng là hay uống rượu ngâm thơ nước trong mà chơi. Sách Thiên-trung-kí nói ông Lý-đức-dũ đi qua nhà Hán có ngâm câu thơ rằng : *hà tinh phùng tri hội*..... = Sen tốt bởi bùn dưới ao mềm.

CUỘC CHƠI CON NÍT

XÂY LÚA

Kẻ lớn nắm lấy hai tay đứa con-nít đứng mà nhún vò nhún ra mà nói rằng : *Xay lúa, xay lúa, cò-ke cút kit, tôi là con-nít, tôi chẳng biết xay, đánh tôi một chày, nằm ngay cẳng cuốc (1).*...

ĐỐT ỔNG

Ngoài Bắc con-nít xúm nhau chơi cũng như cùm-nụm cùm-niu trong Nam, kêu là *đốt ống*. Nó ca như vậy : *Đốt ống chẳng kê, con về nhà quê, con đi nhà tôi, con đi hỏi-hò ; con đi chò mấu, con đi chấu-chiếc, con đi chiêm-chù, đồ lỗi tay nào ? Chỉ đồ tay này thì rút tay ấy ra. Cứ làm xây vùn làm-vậy cho đến hết.*

ĂN VỎ QUÍT

Vỏ quít thì the, nên khi chơi ăn vỏ quít thì đứa ăn ấy đọc cái ca sau này và đọc và vò cho nó bay bớt hơi the đi :

Xu xa xu xil, bán quít chợ đông, bán hồng chợ về, bán bà thưng bé, bán mẹ thưng cô, bán cò thưng lão, bán thuốc cho tao, bà đồng một điệu, ông xã bắt thiếu, một đồng tiền trinh (2) thưng Ngô nóng mình, trắng răng như Sở.

NÓI NGƯỢC

- { Trâu đi dưới nước,
- { Thuyền bè lại đi trên bờ ;
- { Gái huê-nương đục sừng đục bông,
- { Trai thợ bạc tằm trâu đái khách ;
- { Tằm ván lấy dao mà cắt,
- { Miếng thịt lấy cưa mà cưa ;
- { Con ngựa xỏ mũi đi trước,
- { Con trâu khớp lại đi sau ;.....

(1) Nói cẳng cuốc cũng dặng vì con quố có cẳng dài, chết thì nó ngay ra. Nói cấn cuốc cũng dặng ; vì cấn cái cuốc nó cũng ngay nữa.

(2) Tiền trinh là tiền điệu.

Con trâu hay giò hay cần,
Con chó hay báng hay cày ;
Đem lên chùa làm thịt ăn chay,
Thua hết ba con chó ;
Con mèo dạo đồng ăn cỏ,
Con dê ấp trứng sau hè ;
Con gà chạy te-te đánh giặc,
Lão tám mười năm ngựa trong nôi ;
Con-nít nên ba chống gậy dạo xóm.....

CẮT-NGHĨA ÍT TIẾNG ĐÔI

Điều nghĩa là gì ? *Điều* là đồng (*thau*) vì vậy nói : *tiền điều* là tiền đồng ; *ống điều* là cái ống làm bằng đồng bằng thau để nhét thuốc vô đốt mà hút. Nhân đó mà làm nên tiếng *đề* mà kể từ cái bện hút thuốc rằng : *một điều thuốc*.

Nói : *dày vục* thì sai, phải nói *dày-dục* là tiếng đôi trợ ngữ cho dễ nói.

Chớ như tiếng *héo queo*, là héo cho đến đôi nó cong-queo lại ; *mãng-quính* là mãng quá nó bắt quính-quáng đi, không biết làm cái gì trước cái gì sau.

Rách te rách tét là rách te ra từ miếng có tua ra, hay là như cái gì nó *tét* ra rách ra từ miếng nhỏ-nhỏ,

Có nhiều tiếng đôi cả hai đều có chỉ nghĩa riêng hoặc thuộc về một loại, hoặc dụng tiếng tử mà thêm sức nghĩa cho mạnh như :

Đất-dại. — *Dại* là cái chỗ bao-chiếm lấy.

Biển giã. — *Giã* là bờ là bãi.

Ruộng-nương. — *Nương* là tiếng Bắc chỉ là vườn, lại thủ ý nó là cái ruộng-cây của người-ta : 農爲本

Rẫy bãi. — *Bãi* cũng là rẫy là đất cao, đất giồng vỡ ra trồng đậu mè rau-cỏ bi-bầu, đồ thanh-hoa ;

Núi non. — *Núi* là núi đất núi đá ở trên khô, *non* là hòn non đá ở dưới nước hoặc ở bờ-bãi.

Rừng-bụi. — *Rừng*-núi bụi-bờ.

Sông-biển. — Một loại vờn nhau. Sông có nguồn trên núi trên non chảy ra biển. Biển cũng chứa nước.

Ghe cộ. — Hai món cũng là loại đồ dễ mà chở-chuyên.

Tàu-bè. — Tàu chạy chon trời mặt biển ; bè cũng là thả trôi sông trôi nước.

Mua chác. — Cũng một ý như nhau nên nói : *đôi chác, kiếm chác ; chác lợi mua danh.*

TỤC-NGŨ GIẢI NGHĨA

An (yên) nhà lợi nước ; là lời chúc ước cho nhà được yên, cho đất nước được lợi, là nước giàu binh mạnh cho con dân thái-bình an cư lạc nghiệp, cho vua quan binh-an khang-thái trong ấm ngoài êm.

An cư lạc nghiệp c. 安居樂業. = ở yên vui nghề (làm ăn) = chỉ thái-bình như dân an-lạc thông-thả ở yên vui thú làm nghề-nghiệp mà ăn.

An bộ khả dĩ đương xa 安步可以當車 = yên bước khá lấy bằng xe, nghĩa-là đi mà vững chơn nhẹ bước thì có lẽ cũng bằng đi xe vậy. Chỉ có chi vững-bền, làm săn-sốt thì cũng làm nên việc cả thể được. Lại theo nghĩa ông Nhan-thục nói với ông Tề-tuyển vương thì là chỉ dẫu đi xe là sang cùng là mau mặc-lòng, mà đi bộ bước lải-rải, rồi nó cũng tới được, cũng như đã biết ăn thịt thì ngon, mà đề dổi ăn muối nó cũng ngon như ăn thịt. Vì ông ấy không chịu ra làm quan, nên nói ở làm dân mà an phận cũng chẳng thua gì làm quan.

An cơm chưa, bữa tối ngày, nghĩa-là có ăn thì phải có làm. Lại cũng chỉ nghĩa là *ăn cây nào phải rào cây nấy* là phải biết ơn biết nghĩa, ăn của người thì phải làm công-việc cho người (phải làm cho đáng hột cơm). Cũng hiểu về ơn vua nợ nước nữa

Ăn có bữa lo không có bữa. = Sự lo thì lo luôn-luôn chẳng phải như việc ăn uống là việc nó có chừng có dỗi ; chỉ nhọc lòng lo ; lo vui dẫu vui ọc không khi nào hở thì nó mới vừa. = Ăn uống thì có chừng có dỗi mà việc lo thì phải lo luôn-luôn.

Lại cũng chỉ ăn cái bữa có, phải lo cho cái bữa không-có nữa.

GIẢI NGHĨA ÍT CÂU CHỮ

子曰過而不改是謂過矣 = Tử viết : quá nhi bất cải, thị vị quá hĩ = Phu-tử rằng : lỗi mà chẳng dổi thiết rằng lỗi quá nhưng ; chỉ mình đã làm-lỗi mà chẳng muốn chừa-cải thì cái lỗi ấy lại càng lỗi nặng quá đi hơn nữa.

Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm, nghĩa-là đã biết hễ ăn thì no, hễ co thì ấm mặc lòng, mà cũng còn phải biết ăn nó mới no, biết co nó mới ấm; chỉ phải từng phải thạo cái léo nó; làm cho giỏi cho khéo thì càng no càng ấm. Lại cũng có ý chỉ nghĩa đời mà khéo xử thì mới được. Như mình có của ít mà khéo giữ-gìn cần-kiệm thì đủ no, cũng như cơn lạnh mình biết léo khéo co-giữ thì nó ấm bớt lạnh đi = biết cần-kiệm lo-lắng thì khỏi đói-rách.

Ăn xổi, ở thì (thời) là ở dờ ở tạm qua buổi vậy mà-thời cũng như cái bốp xổi mà ăn một bữa rồi thôi, không để được; *ở thì* là ở theo hồi theo buổi cho qua vậy; hoặc tùy theo thì thế cho xong cho rồi mà thôi, chẳng lo nên hư phải trái.

RĂN ĐÁNH BẠC THƠ

Nơi sâu nường giá thánh còn e,
Cò ich chi mà lại đánh me,
Đặt một chung ba nhiều kẻ muốn,
Tham vui chịu lán ít ai dè,
Tham giàu đòi thuở lâm nghèo-ngặt,
Hào-kiệt ghe phen phải sụt-sè,
Trước mắt hư nên gương sẵn dè,
Răn mình trước liệu kéo nghiêng xe.
(Cũng là của Thầy Huề cho...).
